TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18/7/2023
V/v "Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Huỳnh Tấn P

- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Nguyễn Văn N

2. Bà Trần Thị Tuyết N

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Hồ Quế T – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh VL

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LH tham gia phiên toà:* Không tham gia

Trong ngày 03 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh VL xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 198/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị Mỹ T, sinh năm 1988; Địa chỉ: ấp TT, xã AP, huyện MT, tỉnh VL (xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Phương N, sinh năm 1993; Địa chỉ: ấp HT 1, xã TQ, huyện LH, tỉnh VL (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị Mỹ T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2020, qua quen biết tìm hiểu nhau chị Trương Thị Mỹ T và anh Nguyễn Phương N tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 12/9/2022 tại Ủy ban nhân dân xã AP, huyện MT, tỉnh VL. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được một thời gian đến năm 2023 thì bắt đầu

phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nên thường cãi nhau. Chị T và anh N không còn tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, không còn sự quan tâm nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Phương N.

- Về con chung: Có con chung tên Nguyễn Ngọc Tú P, sinh ngày 13/02/2022. Hiện nay cháu P đang sống chung với chị T . Khi ly hôn chị T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Phương N đã được tống đạt hợp lệ nhưng không có đến dự phiên hòa giải cũng như bản khai gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn xin vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trương Thị Mỹ T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh VL giải quyết việc hôn nhân của chị và anh Nguyễn Phương N. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh VL.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt phiên tòa và Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ nhưng không đến dự. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn quen biết nhau rồi tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 12/9/2022 tại Ủy ban nhân dân xã AP, huyện MT, tỉnh VL là phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó quan hệ hôn nhân là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T, Tòa án xét thấy: Chị T và anh N chung sống không hạnh phúc với nhau do phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống chung. Cả hai thường bất đồng quan điểm nên hay cự cãi. Qua đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các đương sự mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt

được. Anh N không có ý kiến gửi cho Tòa án cũng nhưng đến dự phiên hòa giải. Căn cứ vào lời khai của chị T nên Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Có con chung tên Nguyễn Ngọc Tú P, sinh ngày 13/02/2022. Hiện nay cháu P đang sống chung với chị T. Xét nguyên đơn yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là có cơ sở. Bởi vì, hiện nay cháu P đang sống chung với chị P. Anh N không có ý kiến gì nên Tòa án giao con chung cho nguyên đơn tiếp tục chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên không xét việc cấp dưỡng nuôi con và chị T có quyền yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung nếu sau này có yêu cầu.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí giải quyết vụ án hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 9, Điều 56, Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Mỹ T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trương Thị Mỹ T được ly hôn với anh Nguyễn Phương N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Tú P, sinh ngày 13/02/2022 cho chị Trương Thị Mỹ T được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Phương N không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm

nom con mà không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Anh Nguyễn Phương N có quyền yêu cầu thay đổi việc trực tiếp nuôi chung nếu sau này có yêu cầu.

- Chị Trương Thị Mỹ T có quyền yêu cầu anh Nguyễn Phương N cấp dưỡng nuôi con nếu sau này có yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị Trương Thị Mỹ T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0004911 ngày 11/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện LH, tỉnh VL\.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai đương sự vắng mặt các đương sự. Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS nhân dân huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS HLH;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Huỳnh Tấn Phong